

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Số: **113** /QĐ-CTCP397

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày **14** tháng **1** năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu  
**Gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05);  
thuộc kế hoạch Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025**

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ quyết định số 5926/QĐ-BQP ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV 397 thành Công ty Cổ phần;

Căn cứ quy định số 1313/QĐ-CTCP397 ngày 1/7/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CTCP397 ngày 10/01/2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần 397 về việc Phê duyệt kế hoạch Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025;

Căn cứ Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05) do phòng Cơ điện vận tải lập ngày 11/01/2024;

Căn cứ Tờ trình ngày 13/01/2024 của Phòng CĐVT về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05);

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 14/01/2024 của Tổ thẩm định dự toán về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05);

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cơ điện vận tải Công ty.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05), với nội dung cụ thể như sau:

1. Dự toán:

- Tên hạng mục công việc: (có phụ lục chi tiết kèm theo)
- Tên đơn vị chủ quản: Công ty cổ phần 397; Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.
- Giá trị dự toán: 5.141.038.600 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm bốn một triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT.
- Đơn vị lập dự toán: Phòng Cơ điện vận tải
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Tên gói thầu: Gói thầu Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05).
- Giá trị gói thầu: 5.141.038.600 đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm bốn một triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công cổ phần 397.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 15 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 1 năm 2025
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 325 ngày
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 325 ngày
- Tùy chọn mua thêm: Không có
- Giám sát đấu thầu: Không có

**Điều 2.** Giao Tổ chuyên gia, tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Lưu VT, CĐVT.K03.

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

**Phụ lục**  
**BẢNG KHỐI LƯỢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT**

(Kèm theo quyết định phê duyệt số **113/N/**QĐ-CTCP397 ngày **14/11/2025** của Giám đốc Công ty cổ phần 397)

TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>VẬT TƯ THUẾ VAT 10%</b>				
1	Cửa đi nhôm kính	m <sup>2</sup>	35	2.492.600	87.241.000
2	Cửa sổ nhôm kính	m <sup>2</sup>	35	2.492.600	87.241.000
3	Vách nhôm kính	m <sup>2</sup>	50	2.492.600	124.630.000
4	Dây thép buộc 2 ly	Kg	300	30.900	9.270.000
5	Dây thép buộc 3 ly	Kg	400	30.900	12.360.000
6	Dây thép buộc 4 ly	Kg	400	30.900	12.360.000
7	Dây thép gai sợi 3 ly	Kg	400	30.900	12.360.000
8	Lưới B40 sợi 4 ly	Kg	2000	27.800	55.600.000
9	Thép tròn Φ 6	Kg	500	18.500	9.250.000
10	Thép tròn Φ 8	Kg	1000	18.500	18.500.000
11	Thép cây 10	Kg	500	18.500	9.250.000
12	Thép cây 12	Kg	1000	18.500	18.500.000
13	Thép cây 14	Kg	1000	18.500	18.500.000
14	Thép cây 16	Kg	1000	18.500	18.500.000
15	Thép cây 18	Kg	1000	18.500	18.500.000
16	Thép cây 20	Kg	1000	18.500	18.500.000
17	Thép cây 22	Kg	2000	18.500	37.000.000
18	Thép góc L30	Kg	1500	25.200	37.800.000
19	Thép góc L40	Kg	1500	25.200	37.800.000
20	Thép góc L50	Kg	2500	25.200	63.000.000
21	Thép góc L63	Kg	4000	25.200	100.800.000
22	Thép góc L70	Kg	4500	25.200	113.400.000
23	Thép hình U100	Kg	2500	26.300	65.750.000
24	Thép hình U120	Kg	2500	26.300	65.750.000
25	Thép hình U150	Kg	3000	26.300	78.900.000
26	Thép hình U200	Kg	3000	26.300	78.900.000
27	Thép hộp đen	Kg	2000	25.800	51.600.000
28	Thép hộp mạ kẽm	Kg	2000	28.100	56.200.000
29	Thép ống mạ kẽm	Kg	2000	28.100	56.200.000
30	Thép tấm mạ kẽm	Kg	2000	28.100	56.200.000
31	Thép tấm 3 ly	Kg	1500	25.200	37.800.000
32	Thép tấm 4 ly	Kg	1500	25.200	37.800.000
33	Thép tấm 5 ly	Kg	2000	25.200	50.400.000

34	Thép tấm 6 ly	Kg	2000	25.200	50.400.000
35	Thép tấm 8 ly	Kg	2000	25.200	50.400.000
36	Thép tấm 10 ly	Kg	3000	25.200	75.600.000
37	Thép tấm chống trượt 2 ly	Kg	1000	28.100	28.100.000
38	Thép tấm chống trượt 3 ly	Kg	1200	28.100	33.720.000
39	Thép tấm chống trượt 4 ly	Kg	1500	28.100	42.150.000
40	Thép tấm chống trượt 5 ly	Kg	1500	28.100	42.150.000
41	Thép tấm Q355 8 ly	Kg	4000	28.100	112.400.000
42	Thép tấm Q355B 10 ly	Kg	5000	28.100	140.500.000
43	Thép tấm Q355B 12 ly	Kg	15000	28.100	421.500.000
44	Thép tấm Q355B 16 ly	Kg	25000	28.100	702.500.000
45	Thép tấm Q355B 20 ly	Kg	5000	28.100	140.500.000
46	Thép tấm Q355B 30 ly	Kg	5000	28.100	140.500.000
47	Thép tròn D50x6000-C45	Kg	3000	26.200	78.600.000
48	Thép vuông ss400	Kg	2000	23.700	47.400.000
49	Tôn 1 lớp 6 sóng	m <sup>2</sup>	1000	159.700	159.700.000
50	TONMAT 1 lớp 11 sóng	m <sup>2</sup>	1000	139.400	139.400.000
51	Nóc 400	md	300	87.600	26.280.000
52	Nóc 600	md	300	97.900	29.370.000
53	Tôn xấp cách nhiệt	m <sup>2</sup>	1000	178.700	178.700.000
54	Tấm Ilox 1,5 ly	Kg	500	129.800	64.900.000
55	Tấm Ilox 2 ly	Kg	500	129.800	64.900.000
56	Tấm Ilox 2,5 ly	Kg	1000	129.800	129.800.000
57	Tấm Ilox 3 ly	Kg	1000	129.800	129.800.000
58	Vít bản tôn	Kg	250	103.000	25.750.000
59	Que hàn (que hàn thường từ 2-4 ly)	Kg	200	33.000	6.600.000
<b>Thành Tiền</b>					<b>4.617.482.000</b>
<b>Thuế GTGT 10%</b>					<b>461.748.200</b>
<b>A</b>	<b>Tổng tiền</b>				<b>5.079.230.200</b>
<b>TT</b>	<b>Tên hàng hóa/ quy cách hàng hóa</b>	<b>Đvt</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn Giá</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
<b>II</b>	<b>VẬT TƯ THUẾ VAT 8%</b>				
1	Tấm nhựa lấy sáng	m <sup>2</sup>	300	132.400	39.720.000
2	Xi măng	Tấn	10	1.751.000	17.510.000
<b>Thành Tiền</b>					<b>57.230.000</b>
<b>Thuế GTGT 8%</b>					<b>4.578.400</b>
<b>B</b>	<b>Tổng tiền</b>				<b>61.808.400</b>
<b>Tổng tiền A+B</b>					<b>5.141.038.600</b>

## BẢNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số 113..ngày 14..tháng 11..năm 2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397)



STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu và tóm tắt nội dung	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tuỳ chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Công ty cổ phần 397	Gói thầu: Mua vật tư, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất năm 2025 (GT05)	5.141.038.600	Chi phí sản xuất năm 2025 của Công ty cổ phần 397	Chào hàng cạnh tranh	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Tháng 1 năm 2025	Theo đơn giá cố định	325 ngày	Không	Không

Bảng chữ: Năm tỷ, một trăm bốn một triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng ./.